Chi tiết mã HS 8428.33.10

Mã HS	8428.33.10
Mô tả hàng hóa	Máy nâng hạ, giữ, xếp hoặc dỡ hàng khác (ví dụ, thang máy (lift), thang cuốn, băng tải, thùng cáp treo) / - Máy nâng hạ và băng tải hoạt động liên tục khác, để vận tải hàng hóa hoặc vật liệu: / - - Loại khác, dạng băng tải: / - - - Loại sử dụng trong nông nghiệp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 12:23:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84283310/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13641
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13641
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13641
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12941
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12882
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12882
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12882
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12882
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12882
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12882
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12936
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12936

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12936
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12936
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12936
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12936
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12937
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12937
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12937
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12937
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12937
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12937
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12940
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12888
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12896
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12896
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12896
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12896
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12896
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12896
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12927
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12927
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12927
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12927
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12927
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12927
VCFTA	2022	2022	5	VC!D12976
VCFTA	2023	2023	5	VC!E12976

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12976
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12976
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12976
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12976
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12959
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12959
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12959
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12959
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12959
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12959
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12959
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12959
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12959
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12959
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12959
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12959
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D12974
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E12974
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F12974
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12974
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12974
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12974
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D12973
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E12973
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F12973
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12973

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12973
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12973
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12953
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12953
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12953
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12953
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12953
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12953
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12953
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12961
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12961
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12961
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12961
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12961
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12961
RCEP B	2022	2022	0	B!D12961
RCEP B	2023	2023	0	B!E12961
RCEP B	2024	2024	0	B!F12961
RCEP B	2025	2025	0	B!G12961
RCEP B	2026	2026	0	B!H12961
RCEP B	2027	2027	0	B!I12961
RCEP C	2022	2022	0	C!D12961
RCEP C	2023	2023	0	C!E12961
RCEP C	2024	2024	0	C!F12961
RCEP C	2025	2025	0	C!G12961
RCEP C	2026	2026	0	C!H12961

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12961
RCEP D	2022	2022	0	D!D12960
RCEP D	2023	2023	0	D!E12960
RCEP D	2024	2024	0	D!F12960
RCEP D	2025	2025	0	D!G12960
RCEP D	2026	2026	0	D!H12960
RCEP D	2027	2027	0	D!I12960
RCEP E	2022	2022	0	E!D12964
RCEP E	2023	2023	0	E!E12964
RCEP E	2024	2024	0	E!F12964
RCEP E	2025	2025	0	E!G12964
RCEP E	2026	2026	0	E!H12964
RCEP E	2027	2027	0	E!I12964
RCEP F	2022	2022	0	F!D12961
RCEP F	2023	2023	0	F!E12961
RCEP F	2024	2024	0	F!F12961
RCEP F	2025	2025	0	F!G12961
RCEP F	2026	2026	0	F!H12961
RCEP F	2027	2027	0	F!I12961
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F12019
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G12019
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H12019
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I12019

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8428.33 có 2 dòng thuế; dòng 8428.33.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại sử dụng trong nông nghiệp.	8428.33.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8428.33.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8428.33.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13641), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.